

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN BÌNH TÂN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 143/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Hợp;

2. Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14792024/HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 872/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025.

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số C hẻm S, đường số G, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* ông Đỗ Phi H, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số B đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2024, bản tự khai, biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Bà S và ông Đỗ Phi H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 201/2012 ngày 28/11/2012. Bà S và ông Đỗ Phi H sống với nhau đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông H thường xuyên đánh bà S, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể kéo dài nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Phi H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà S xác nhận trong quá trình chung sống với ông H có 04 (bốn) con chung tên Đỗ Ái N, sinh ngày 07/11/2005 (đã trưởng thành); Đỗ Hoàng M, sinh ngày 01/9/2008; Đỗ Huy H1, sinh ngày 06/12/2012; Đỗ Trần Thành Đ, sinh ngày 10/8/2020. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 (ba) con chung tên Đỗ Hoàng M, Đỗ Huy H1 và Đỗ Trần Thành Đ. Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bànhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Đỗ Phi H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét qua đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé S cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Đỗ Phi Hùng có nơi cư trú quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[2] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Bé Sơn đơn xin vắng mặt, ông Đỗ P đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông H là phù hợp.

[3] Về nội dung: căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 201/2012, cấp ngày 28/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà S, ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé Sơn đối với ông Đỗ Phi H. Qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà S, ông H đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, ông H thường xuyên đánh bà và dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (LHNGĐ) thì vợ chồng phải “có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Nhận thấy, hôn nhân của bà S và ông H không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng” theo Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định, mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của LHNGĐ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[5] Về con chung: bà S và ông H có 04 (bốn) con chung tên Đỗ Ái N, sinh ngày 07/11/2005 (đã trưởng thành); Đỗ Hoàng M, sinh ngày 01/9/2008; Đỗ Huy H1, sinh ngày 06/12/2012; Đỗ Trần Thành Đ, sinh ngày 10/8/2020. Bà S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Đỗ Hoàng M, Đỗ Huy H1 và Đỗ Trần Thành Đ. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cần xem xét đến lứa tuổi, tâm sinh lý con trẻ, điều kiện việc làm, thu nhập mỗi bên để giao người nuôi con đảm bảo tốt nhất sự chăm sóc, giáo dục con trẻ. Tại khoản 2 Điều 81 của LHNGĐ quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*”. Bà S hiện nay có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, việc giao con cho bà S sẽ đảm bảo được sự phát triển ổn định của trẻ nên cần giao 03 con cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà S.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về tài sản chung: bà S đề nghị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nợ chung: bà S xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: bà Nguyễn Thị Bé Son chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé Son với ông Đỗ Phi H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Bé S1 hôn với ông Đỗ Phi Hùng

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 201/2012, cấp ngày 28/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị Bé Son và ông Đỗ Phi Hùng không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Bé S và ông Đỗ Phi H có 04 (bốn) con chung tên Đỗ Ái N, sinh ngày 07/11/2005 (đã trưởng thành); Đỗ Hoàng M, sinh ngày 01/9/2008; Đỗ Huy H1, sinh ngày 06/12/2012; Đỗ Trần Thành Đ, sinh ngày 10/8/2020. Giao trẻ Đỗ Hoàng M, trẻ Đỗ Huy H1 và trẻ Đỗ Trần Thành Đ cho bà Nguyễn Thị Bé S trực tiếp nuôi con.

2.1. Cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé S không yêu cầu ông Đỗ Phi H cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: không có, Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị Bé Sơn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048331 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- THADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm

